

Bản án số: 789/2025/HS-PT

Ngày: 10-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Phạm Công Toại.

2/ Ông Đặng Hồng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 754/2025/HSPT ngày 19/11/2025 đối với bị cáo Phan Huỳnh Kim N, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 169/2025/HS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phan Huỳnh Kim N, sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: số A đường D, phường P, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: số H đường số A, phường B, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên bán hàng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H và bà Vòng Cá P; có chồng là Hoàng Tiến D và có 01 con sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa: Bà Phùng Thị H1, Luật sư của Công ty L1+, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, bào chữa cho bị cáo Phan Huỳnh Kim N. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần V2 (viết tắt Công ty P1) có địa chỉ chi nhánh tại số C N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ

Chí Minh) được Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố H cấp mã số địa điểm kinh doanh: 00019, ngày 24/5/2012. Người đứng đầu chi nhánh là bà Trần Thị Thu H2.

Phan Huỳnh Kim N là nhân viên bán hàng tại Công ty P1 tại địa chỉ chi nhánh trên từ năm 2014, theo Hợp đồng lao động do Ung Ngọc Quốc T, Trưởng phòng đối tác nhân sự đại diện Công ty P1 ký ngày 17/02/2019, N được tuyển dụng với chức danh Cán bộ - Công nhân viên, loại Hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hưởng lương 6.000.000 đồng/tháng (bao gồm tiền lương, thưởng hiệu suất, tiền ăn, phụ cấp ...) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của N. Công việc của N được quy định theo bản mô tả công việc. Cụ thể: bán và mua hàng; bảo quản, trưng bày, vệ sinh hàng hóa; quản lý hàng hóa, công cụ dụng cụ; chăm sóc, tư vấn, giải quyết khiếu nại khách hàng và thực hiện đúng các công việc trên chương trình phần mềm được phân công (phần mềm tên PNJ mPOS, là phần mềm của Công ty P1 cung cấp cho nhân viên), thực hiện các công việc khác do cấp trên giao. Toàn bộ hoạt động, hàng hóa tại cửa hàng trên đều do cửa hàng trưởng là Dương Bảo N1 chịu trách nhiệm quản lý. Tại cửa hàng V2 – Chi nhánh N4 được chia thành 02 ca: ca 1 (từ 7h30 đến 15h30), ca B (từ 15h00 đến 21h00), 30 phút giữa giờ để bàn giao ca, các nhân viên khi giao ca sẽ kiểm kê hàng hóa (vàng, bạc, đá quý) và bàn giao cho nhân viên ca sau qua phần mềm PNJ mPOS. Vào ngày 25/11/2024 và 26/11/2024, N1 đã chiếm đoạt các sản phẩm vàng tại cửa hàng trên. Cụ thể như sau:

- Ngày 25/11/2024, N1 được phân công làm việc ca 1 (từ 7h30 đến 15h30):

+ Khoảng 09 giờ cùng ngày, lợi dụng lúc cửa hàng đang vắng khách N1 đã lấy 02 nhẫn bằng vàng 18K (có đính đá, 01 chiếc đính đá màu vàng, 01 chiếc đính đá màu đỏ) và 01 vòng cổ bằng vàng 24K có hoa văn hình chiếc lá rồi đặt 01 vòng cổ (vàng giả) đã mua sẵn trước đó vào vị trí đã chiếm đoạt nhằm tránh bị phát hiện. Sau đó, N1 mang số vàng trên đến tiệm vàng “Kim Ngân”, địa chỉ A C, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) do ông Lý Văn H3 làm chủ cầm được 90.000.000 đồng.

+ Khoảng 14 giờ cùng ngày, N1 tiếp tục lấy 03 vòng cổ bằng vàng 24K (02 chiếc vòng cổ có hoa văn hình long phụng và 01 vòng cổ có hoa văn hình hoa mai) rồi đem đến tiệm V3”, địa chỉ 5 C, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) do ông Nguyễn Huỳnh Vũ N2 làm chủ cầm được 220.000.000 đồng. Sau đó, N1 quay về cửa hàng tiếp tục đặt 03 vòng cổ (vàng giả) đã mua sẵn trước đó vào vị trí đã chiếm đoạt nhằm tránh bị phát hiện.

- Ngày 26/11/2024, N1 được phân công làm việc ca 2 (từ 15h00 đến 21h00):

+ Khoảng 17 giờ cùng ngày, N1 lấy 01 vòng cổ bằng vàng 24K có hoa văn hình long phụng rồi đặt 01 vòng cổ (vàng giả) đã mua sẵn trước đó vào vị trí đã chiếm đoạt nhằm tránh bị phát hiện. Sau đó, N1 đem số vàng này đến tiệm V3

“Kim Ngân Nguyên”, địa chỉ E C, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) do ông Huỳnh Đình T1 làm chủ cầm được 90.000.000 đồng.

+ Khoảng 20 giờ cùng ngày, N1 tiếp tục lấy 02 vòng cổ bằng vàng 24k có hoa văn hình hoa mai rồi đem số vàng này đến tiệm vàng “Lập Đ”, địa chỉ 2 T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) do bà Lệnh Sĩ M làm chủ cầm được 78.000.000 đồng. Đến ngày 27/11/2024, N1 đến cửa hàng đặt 02 vòng cổ (vàng giả) đã mua sẵn trước đó vào vị trí đã chiếm đoạt nhằm tránh bị phát hiện.

Sau đó, Dương Bảo N1 (cửa hàng trưởng) nhận được phản ánh của nhân viên tư vấn bán hàng là thất thoát vàng, có dấu hiệu vàng bị đánh tráo nên đã kiểm tra lại camera tại cửa hàng thì phát hiện Phan Huỳnh Kim N có hành vi chiếm đoạt vàng như trên nên đã đến Công an phường P để trình báo.

Về quy trình quản lý quỹ tài sản của Cửa hàng V2 – Chi nhánh N4 như sau:

Khi bắt đầu ca làm việc thì nhân viên tư vấn bán hàng (trong đó có Phan Huỳnh Kim N) sẽ kiểm đếm hàng hóa từ ca trước bàn giao (số lượng hàng hóa thông qua phần mềm PNJ mPOS). Mỗi ca trực có khoảng 3 đến 4 nhân viên tư vấn bán hàng, N được phân công kiểm đếm số lượng, chất lượng của hàng hóa quầy đá màu tại Cửa hàng. Tuy nhiên, nhân viên không được tự ý cất giữ hàng hóa, phải để hàng hóa đúng nơi quy định. Cuối ngày sau khi hết ca làm việc, đã kiểm đếm số lượng, chất lượng hàng hóa xong thì nhân viên tư vấn bán hàng sẽ báo cho Cửa hàng trưởng (từ tháng 3/2021 đến tháng 11/2024 cửa hàng trưởng là bà Dương Bảo N1, từ tháng 12/2024 đến nay cửa hàng trưởng là ông Đặng Quang V), sau đó bỏ vào thùng hàng niêm phong lại rồi sẽ cất tất cả hàng hóa vào két sắt khóa lại, bắt đầu ngày làm việc hôm sau thì nhân viên tư vấn bán hàng sẽ lấy hàng hóa từ két sắt ra để kiểm đếm số lượng, chất lượng rồi trưng bày ra quầy. Chỉ có ông V hoặc một người được ông V ủy quyền lại biết mật khẩu của két sắt Cửa hàng, còn N1 thì không được biết. Khi bán hàng, nhân viên chỉ được lấy sản phẩm ra khỏi vị trí ban đầu cho khách xem, sau đó để lại đúng vị trí cũ. Nhân viên bán hàng không được chia quầy bán hàng cố định, khi bán hàng nhân viên có thể đi lại các quầy để mở tủ lấy sản phẩm cho khách xem. Sau khi khách hàng đồng ý mua hàng thì nhân viên tư vấn sẽ ra hóa đơn và hướng dẫn khách đến quầy thu ngân để có nhân viên thủ quỹ thanh toán, nhân viên tư vấn bán hàng không trực tiếp giao dịch tiền với khách. Trong giờ làm việc, nhân viên bán hàng nào làm sai quy định của Công ty, hoặc có lỗi chủ quan vô ý gây mất mát, thiệt hại tài sản của Công ty thì nhân viên đó đều phải chịu trách nhiệm bồi thường lại giá trị tương đương tài sản bị mất mát, thiệt hại cho Công ty.

Kết quả điều tra, xác minh thu thập tài liệu

Từ lời khai của N1 về việc cầm cố số vàng chiếm đoạt được của cửa hàng V2, ngày 29/11/2024, Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với các tiệm vàng trên và thu hồi toàn bộ tài sản là số vàng do N1 chiếm đoạt, cụ thể như sau:

- + Thu của tiệm V3: 02 vòng đeo cổ kim loại màu vàng, có hình hoa mai;
- + T2 của tiệm V3 Nguyên: 01 vòng đeo cổ kim loại màu vàng có hoa văn hình long phụng;
- + Thu của tiệm V3: 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng, đính đá màu đỏ, hai bên hông có đính mỗi bên 03 hạt đá màu trắng, trọng lượng vàng 2.6556 chỉ; 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng, đính đá màu vàng, có trọng lượng 3.3094 chỉ; 01 vòng đeo cổ kim loại màu vàng, mặt trái tim, sợi dây hình chiếc lá;
- + Thu của tiệm V3: 02 vòng đeo cổ kim loại màu vàng có hoa văn hình long phụng và 01 vòng đeo cổ kim loại màu vàng, hoa văn hình hoa mai.

Ngoài ra, cửa hàng V2 có giao nộp đĩa DVD ghi nhận hình ảnh N1 chiếm đoạt, đánh tráo vàng của cửa hàng V2 và tiệm V3 cũng giao nộp đĩa DVD ghi nhận hình ảnh N1 đến cầm vàng tại cửa hàng trên.

Kết quả trưng cầu giám định:

Ngày 17/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã ra Quyết định trưng cầu Trung tâm K Chất lượng 3 giám định số kim loại thu giữ là vàng hay hợp kim vàng và trọng lượng của trang sức.

Ngày 07/01/2025, Trung tâm K có Chứng thư giám định số 00742/N1.24/TD, kết luận: 01 vòng đeo cổ có hình hoa mai, bằng vàng 24K, trọng lượng 21,3553g; 01 vòng đeo cổ có hình hoa mai, bằng vàng 24K, trọng lượng 24,6636g; 01 vòng đeo cổ có hoa văn hình long phụng, bằng vàng 24K, trọng lượng 45,5253g; 01 vòng đeo cổ có hoa văn hình long phụng, bằng vàng 24K, trọng lượng 48,2534g; 01 vòng đeo cổ có hoa văn hình long phụng, bằng vàng 24K, trọng lượng 53,7436g; 01 vòng đeo cổ có hoa văn hình bông mai, bằng vàng 24K, trọng lượng 28,3452g; 01 vòng đeo cổ có mặt dây chuyền hình trái tim, sợi dây chuyền hình chiếc lá, bằng vàng 24K, trọng lượng 30,9397g; 01 nhẫn tròn có đính đá hột màu đỏ, hai bên hông có đính mỗi bên 03 viên đá màu trắng, bằng vàng 18K, trọng lượng 10,5031g; 01 nhẫn tròn có đính đá hột màu vàng, bằng vàng 18K, trọng lượng 12,9753g.

Kết quả định giá tài sản:

Ngày 18/02/2025, Hội đồng Định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận T có Kết luận định giá tài sản Số 492/KL-HĐĐGTS kết luận: 01 vòng đeo cổ có hình hoa mai, bằng vàng 24K, trọng lượng 21,3553g trị giá 50.705.374 đồng; 01 vòng đeo cổ có hình hoa mai, bằng vàng 24K, trọng lượng 24,6636g trị giá 58.107.340 đồng; 01 vòng đeo cổ có hoa văn hình long phụng, bằng vàng 24K, trọng lượng 45,5253g trị giá 106.690.380 đồng; 01 vòng đeo cổ có hoa văn hình long phụng, bằng vàng 24K, trọng lượng 48,2534g trị giá 115.144.800 đồng; 01 vòng đeo cổ có hoa văn hình long phụng, bằng vàng 24K, trọng lượng 53,7436g trị giá 127.735.200 đồng; 01 vòng đeo cổ có hoa văn hình bông mai, bằng vàng 24K, trọng lượng 28,3452g trị giá 72.863.800 đồng; 01 vòng đeo cổ có mặt dây chuyền hình trái tim, sợi dây chuyền hình chiếc lá, bằng vàng 24K, trọng lượng 30,9397g trị giá 78.700.000 đồng; 01 nhẫn tròn có đính đá hột màu đỏ, hai bên

hông có định mỗi bên 03 viên đá màu trắng, bằng vàng 18K, trọng lượng 10,5031g trị giá 29.946.000 đồng; 01 nhẫn tròn có định đá hột màu vàng, bằng vàng 18K, trọng lượng 12,9753g trị giá 34.206.000 đồng. Tổng cộng: 674.098.894 đồng (theo giá thời điểm Huỳnh Kim N thực hiện hành vi phạm tội).

Kết quả xác minh tài khoản ngân hàng:

Phan Huỳnh Kim N có mở tài khoản số 19038681714012 tại T7 Chi nhánh A. Trong khoản thời gian xảy ra hành vi phạm tội, N có nhiều lần nhận và chuyển tiền đi đến các tài khoản khác nhau.

Kết quả ghi lời khai

Phan Huỳnh Kim N khai: N là nhân viên của Công ty P1, theo quy định của Công ty P1, N không được phép mang tài sản của Công ty P1 ra ngoài. Do cần tiền để thanh toán đơn hàng theo yêu cầu của 01 đường Link bán hàng trên mạng xã hội, theo đó công việc của N là bán hàng, chốt đơn cho khách để được hưởng tiền hoa hồng. Nếu khách không trả tiền thì N phải ứng tiền của mình để trả cho khách, sau đó bên công ty bán hàng (nhiều Công ty không rõ thông tin) sẽ trả lại cho N số tiền N đã trả cho khách và được hưởng hoa hồng. Tuy nhiên, từ khi làm công việc trên đến nay Ngân chưa được Công ty nào trả lại tiền ứng trước để thanh toán đơn hàng.

Dương Bảo N1 (Cửa hàng trưởng cửa hàng V2 thời điểm Phan Huỳnh Kim N thực hiện hành vi phạm tội) khai: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27/11/2024, Bảo N1 đang làm tại cửa hàng V2 thì Nguyễn Thị Tú T3 (Nhân viên tư vấn bán hàng) B1 tại quầy vàng 24K và quầy nữ trang đá màu có dấu hiệu bị tráo hàng, không phải hàng của PNJ và bị thiếu hàng. Qua kiểm tra camera tại cửa hàng xác định Phan Huỳnh Kim N có hành vi đánh tráo hàng vào lúc 18 giờ 36 phút ngày 26/11/2024 nên Bảo N1 có gọi điện thoại cho Kim N hỏi thì Kim N thừa nhận có đánh tráo vàng tại cửa hàng với số lượng 07 dây chuyền và chiếm đoạt 02 chiếc nhẫn nên Bảo N1 đến Công an phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để trình báo.

Phan Thị Tường V1 khai: bà V1 bán trang sức mạ vàng (vàng giả) tại chợ T8 (địa chỉ: A T, phường T, quận T). Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 25/11/2024, bà V1 có bán 07 sợi vòng đeo cổ hình bông mai, mỗi vòng giá 150.000 đồng cho Phan Huỳnh Kim N, N nói mua để diễn văn nghệ.

Nguyễn Huỳnh Vũ N2 (chủ doanh nghiệp tư nhân K1) khai: ngày 25/11/2024, N có đến cửa hàng của ông cầm 03 sợi dây chuyền đúc liền mặt (02 sợi hình rồng phụng, 01 sợi hình hoa mai) với khối lượng 32,56 chỉ, loại vàng 24K với số tiền 220.000.000 đồng, thời hạn cầm là 02 tháng. Khi đem đi cầm thì N nói là vàng mừng cưới của cha mẹ cho nên không mang theo hóa đơn.

Lê T4 khai: khoảng 17 giờ 00 phút ngày 26/11/2024, N có đến cửa hàng kinh doanh vàng K Nguyên do ông Huỳnh Đình T1 làm chủ, do ông T1 đi vắng nên T4 (anh em rể của T1) nhận cầm 01 vòng cổ hình long phụng với số tiền 90.000.000 đồng. Khi đem đi cầm thì N nói là của cha mẹ cho. T4 có nhờ Lê

Huỳnh Thị Mỹ L (cháu ruột của T4) sử dụng tài khoản của L Số 9901795246 mở tại Ngân hàng V4 chuyển đến tài khoản Số 1938681714012 Ngân hàng T7 tên Huỳnh Thị Kim N3 số tiền 90.000.000 đồng để thanh toán tiền cầm vàng cho N3.

Lý Văn H3 (chủ tiệm kinh doanh vàng Kim N3) khai: khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/11/2024, N3 có đến cửa hàng của ông cầm 01 sợi dây chuyền 24K, trọng lượng 8,2 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18K có đính đá màu vàng, 01 chiếc nhẫn 18K đính đá màu đỏ tổng trọng lượng 5,7 chỉ với số tiền 90.000.000 đồng. Khi đem đi cầm thì N3 nói là vàng cưới của N3.

Mạch Minh T5 (con của bà Lệnh Sĩ M, chủ tiệm kinh doanh vàng Lập Đức) khai: ngày 26/11/2024, N3 có đến cửa hàng của ông cầm 02 vòng đeo cổ bằng vàng 24K, hình hoa mai, tổng trọng lượng 1,2 lượng, N3 nói là vàng cưới của cha mẹ cho, T5 đồng ý cầm với số tiền 78.000.000 đồng, bà M sử dụng tài khoản Số 8821396868 mở tại Ngân hàng B2 chuyển vào tài khoản Số 1938681714012 Ngân hàng T7 tên Huỳnh Thị Kim N3 số tiền 78.000.000 đồng để thanh toán tiền cầm vàng cho N3.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 169/2025/HS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo Phan Huỳnh Kim N: 12 (Mười hai) năm tù, về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2025, bị cáo Phan Huỳnh Kim N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Phan Huỳnh Kim N giữ nguyên nội dung kháng cáo, đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Phan Huỳnh Kim N về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 353 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để tuyên bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung

cấp tỉnh tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đã được cấp sơ thẩm đã áp dụng. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Phùng Thị H1 bào chữa cho bị cáo phát biểu bào chữa:

Thông nhất về tội danh và điều khoản áp dụng đối với bị cáo Phan Huỳnh Kim N, nhưng mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét hoàn cảnh phạm tội của bị cáo. Bị cáo là nạn nhân của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua mạng, nhóm lừa đảo qua mạng có thủ đoạn rất tinh vi, thao túng tâm lý của nạn nhân. Bị cáo không mong muốn chiếm đoạt vàng mà chỉ mượn tạm tài sản để cầm cố, sau khi bị cáo chiếm đoạt vàng thì bị cáo đã giữ lại nhãn mác của sản phẩm, để khi lấy lại được tài sản thì bị cáo sẽ gắn nhãn mác vào tài sản để trả lại cho bị hại. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo thì bị cáo là lao động chính trong gia đình; cha mẹ của bị cáo bị bệnh nặng, bị cáo đang có dấu hiệu bị bệnh trầm cảm; bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần xem xét áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt cho bị cáo theo quy định tại Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thông nhất với luận cứ bào chữa của luật sư và không trình bày lời bào chữa bổ sung.

Kiểm sát viên đối đáp với luật sư như sau: Đối với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà Luật sư nêu ra thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát và Luật sư đều bảo lưu ý kiến tranh luận và không tranh luận nội dung nào khác.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Huỳnh Kim N về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của bị cáo Phan Huỳnh Kim N tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với Kết luận giám định, Kết luận định giá tài sản, dữ liệu trích xuất camera cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định:

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn là nhân viên bán hàng có trách nhiệm quản lý vàng, bạc, đá quý trong ca trực tại chi nhánh Công ty Cổ phần V2 – Cửa hàng Nguyễn S, bị cáo Phan Huỳnh Kim N đã có hành vi chiếm đoạt 02 chiếc nhẫn bằng vàng 18K (trong đó có 01 chiếc nhẫn tròn có hột đính đá hột màu đỏ, 01 chiếc nhẫn tròn có đính đá hột màu vàng), tráo đổi hàng giả và chiếm đoạt 07 vòng đeo cổ (trong đó có 03 vòng đeo cổ có hoa văn hình long phụng, 03 vòng đeo cổ có hoa văn hình bông mai, 01 vòng đeo cổ có mặt dây chuyền hình trái tim, sợi dây chuyền hình chiếc lá, tất cả các dây chuyền đều bằng vàng 24K) vào các ngày 25/11/2024 và 26/11/2024, sau đó mang đi cầm cố tại các tiệm vàng lấy tiền tiêu xài cá nhân và chuyển nhiều lần vào các tài khoản khác nhau theo yêu cầu của những công ty M1 N làm thêm để kiếm tiền hoa hồng. Theo Kết luận định giá tài sản số 492/KL-HĐĐGTS ngày 18/02/2025 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tố tụng hình sự quận T thì tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 674.098.894 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phan Huỳnh Kim N về tội “Tham ô tài sản” thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm tài sản của Công ty Cổ phần V2, mà còn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty này. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và hậu quả tội phạm mà bị cáo thực hiện. Tuy nhiên khi xem xét kháng cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cũng xem xét đến tính chất, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội phạm tội 02 lần trở lên và mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả, cụ thể là số tài sản do bị cáo chiếm đoạt của Công ty Cổ phần V2 đã được thu hồi toàn bộ và bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường số tiền 478.000.000 đồng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[6] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Phan Huỳnh Kim N, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Khi xét xử, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51, 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kết là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu, chứng cứ mới thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B nên cần xem xét áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt đối với bị cáo theo tinh thần của Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy mức án 12 năm tù mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm và cấp sơ thẩm không có lỗi khi bản án sơ thẩm bị sửa.

[7] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận và không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và luận cứ bào chữa của Luật sư tại phiên tòa phúc thẩm.

[8] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Huỳnh Kim N. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 169/2025/HSST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Xử phạt bị cáo Phan Huỳnh Kim N: 08 (T6) năm tù, về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo Phan Huỳnh Kim N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - CQ THAHS CA.TP.HCM | (1) |
| - CQCSĐT – CA.TP.HCM; | (1) |
| - VKSND Khu vực 9; | (1) |
| - TAND Khu vực 9; | (1) |
| - THADS TP.HCM | (1) |
| - Phòng THADS Khu vực 9; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Người bào chữa; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ (21) | (8) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang

